

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Tên chương trình (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Finance - Banking**

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Mã ngành: 9340201

Hình thức đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Tài chính – Kế toán

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1234 /QĐ-DCT ngày 23 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Tài chính – Ngân hàng

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Finance - Banking

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng

Mã ngành: 9340201

Lĩnh vực: III- Kinh doanh và quản lý

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Trường Đại học Công Thương thành phố Hồ Chí Minh nhằm đào tạo các giảng viên và nhà nghiên cứu có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, có khả năng giảng dạy bậc sau đại học, thực hiện nghiên cứu độc lập và sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới từ thực tiễn cũng như hướng dẫn nghiên cứu khoa học và đưa ra các khuyến nghị khoa học.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp như sau:

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MDNL
a	Kiến thức	
PLO1	Tổng hợp các lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ về khoa học xã hội, khoa học chính trị để phục vụ nghiên cứu và phát triển.	C5
PLO2	Tổng hợp các vấn đề đương đại về tài chính - ngân hàng ở cấp độ vi mô và vĩ mô và đưa ra các đề xuất và đóng góp tri thức mới.	C5

b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Tổng hợp, phân tích, giải thích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.	P4
PLO4	Thể hiện sự liêm chính, tôn trọng sở hữu trí tuệ, đạo đức nghiên cứu	A4
c	Kỹ năng tương tác	
PLO5	Phân tích chuyên sâu các quan điểm khoa học để có thể phản biện, tư vấn, truyền đạt, báo cáo và công bố khoa học trong nước và quốc tế về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.	P5
D	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO6	Triển khai thực hiện nghiên cứu chuyên sâu nhằm đóng góp tri thức mới hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.	R4

2.2. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)					
							1	2	3	4	5	6
01	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu định tính nâng cao	Kiến thức chuyên ngành	3	Bắt buộc	C5					
02	101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng nâng cao	Kiến thức chuyên ngành	3	Bắt buộc	C5					
03		12400067	Lý thuyết về ra quyết định tài chính	Kiến thức chuyên ngành	3	Tự chọn 02 trong 04		C5				
04		12400068	Những vấn đề tài chính - ngân hàng đương đại	Kiến thức chuyên ngành	3	Tự chọn 02 trong 04		C5				
05		12400069	Nghiên cứu tài chính	Kiến thức chuyên ngành	3	Tự chọn 02 trong 04		C5				
06		12400070	Nghiên cứu ngân hàng	Kiến thức chuyên ngành	3	Tự chọn 02 trong 04		C5				
07		12400071	Chuyên đề nghiên cứu 1	Chuyên đề nghiên cứu 1	6	Bắt buộc			P4	A4	P5	
08		12400072	Chuyên đề nghiên cứu 2	Chuyên đề nghiên cứu 2	6	Bắt buộc			P4	A4	P5	
09		12400073	Chuyên đề nghiên cứu 3	Chuyên đề nghiên cứu 3	6	Bắt buộc			P4	A4	P5	
10		12406074	Luận án	Luận án	60	Bắt buộc			P4	A4	P5	R4
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				10	90							

3. Khối lượng học tập

TT	Thành phần	Khối lượng học tập	
		Người học có bằng thạc sĩ	Người học có bằng đại học
1	Học phần chuyên ngành	12 tín chỉ	42 tín chỉ
2	Chuyên đề nghiên cứu	18 tín chỉ	18 tín chỉ
	2.1. Chuyên đề nghiên cứu 1	6 tín chỉ	6 tín chỉ
	2.2. Chuyên đề nghiên cứu 2	6 tín chỉ	6 tín chỉ
	2.3. Chuyên đề nghiên cứu 3	6 tín chỉ	6 tín chỉ
3	Luận án	60 tín chỉ	60 tín chỉ
Tổng số tín chỉ tích lũy		90 tín chỉ	120 tín chỉ

4. Thời gian đào tạo

Thời gian thiết kế: 3 năm.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài được quy định trong Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Văn bằng tốt nghiệp

Cấp bằng tiến sĩ khi người học hoàn thành chương trình đào tạo, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và đáp ứng đủ các điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo sau đại học của Trường.

6. Chuẩn đầu vào

- Cử nhân tốt nghiệp ngành/ chuyên ngành phù hợp Tài chính - Ngân hàng
- Thạc sĩ tốt nghiệp ngành/ chuyên ngành phù hợp Tài chính - Ngân hàng
- Thạc sĩ tốt nghiệp ngành/ chuyên ngành gần Tài chính - Ngân hàng, bao gồm các chuyên ngành thuộc nhóm ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ được ban hành kèm theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh) và Quy định thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập (Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-DCT ngày 22/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Xét và công nhận tốt nghiệp: theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp sẽ có đủ năng lực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như có khả năng chủ trì các nhiệm vụ và đề tài nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực liên quan Tài chính - Ngân hàng.

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp là nguồn nhân lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học chính trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại các cơ sở đào tạo đại học, các trung tâm, các viện và các cơ sở nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp cũng có thể là nhà tư vấn chuyên nghiệp hoặc nhà lãnh đạo trong các tổ chức kinh doanh và các đơn vị khác trong và ngoài nước.

10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Tiếp tục thực hiện các nghiên cứu sâu hoặc nghiên cứu sau tiến sĩ.

11. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
I. Học phần bổ sung đối với người học có bằng đại học				30	Học trước (a)
1	0310100409	11100012	Triết học	4(4,0)	
2	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	2(2,0)	
3		12400065	Báo cáo tài chính nâng cao	2(2,0)	
4		12400066	Nguyên lý ngân hàng	2(2,0)	
5	0310101504	12100003	Phân tích dữ liệu trong tài chính và kế toán	2(2,0)	
6	0310100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2(2,0)	
7	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0)	
8	0101101079	12200086	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2(2,0)	
9	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0)	
10	0310100452	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0)	
11	0101004180	12200066	Tài chính hành vi	2(2,0)	
12	0310100453	12100011	Mô hình tài chính trên Excel	2(2,0)	
13	0310100454	12100012	Tài chính quốc tế	2(2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
14	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	2(2,0)	
II. Học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo tiến sĩ				12	
Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ					
1	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu định tính nâng cao Advanced Qualitative research method	3	Tiên quyết (b)
2	0310151020	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng nâng cao Advanced Quantitative research method	3	Tiên quyết (b)
Học phần tự chọn: 06 tín chỉ (chọn 02 trong 04 học phần)					
3		12400067	Lý thuyết về ra quyết định tài chính Theory of financial decision making	3	Tiên quyết (b)
4		12400068	Những vấn đề tài chính – Ngân hàng đương đại Contemporary topics in finance - Bank	3	Tiên quyết (b)
5		12400069	Nghiên cứu tài chính Research in finance	3	Tiên quyết (b)
6		12400070	Nghiên cứu ngân hàng Research in Banking	3	Tiên quyết (b)
III. Chuyên đề nghiên cứu				18	
1.		12400071	Chuyên đề nghiên cứu 1	6	Tiên quyết (b)
2		12400072	Chuyên đề nghiên cứu 2	6	Tiên quyết (b)
3		12400073	Chuyên đề nghiên cứu 3	6	Tiên quyết (b)
IV. Luận án				60	
1.		12406074	Luận án Thesis	60	Tiên quyết (b)
Tổng số tín chỉ toàn khóa (đối với người học có bằng thạc sĩ)				90	
Tổng số tín chỉ toàn khóa (đối với người học có bằng đại học)				120	

12. Kế hoạch đào tạo

12.1. Kế hoạch đào tạo cho đối tượng tốt nghiệp đại học

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 14 tín chỉ tích lũy					
I. Học phần bắt buộc: 10 tín chỉ					
1.	0310100409	11100012	Triết học Philosophy	4(4,0)	
2.	0310101505	11100009	Luật kinh doanh Business Law	2(2,0)	
3.		12400065	Báo cáo tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Reporting</i>	2(2,0)	
4.		12400066	Nguyên lý ngân hàng <i>Principles of Banking</i>	2(2,0)	
II. Học phần tự chọn: 04 tín chỉ (chọn 02 trong 06 học phần)					
1.	0310101504	12100003	Phân tích dữ liệu trong tài chính và kế toán <i>Data Analytics for Finance and Accounting</i>	2(2,0)	
2.	0310100444	12100004	Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0)	
3.	0310100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2(2,0)	
4.	0310100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2(2,0)	
5.	0310100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2(2,0)	
6.	0310100442	12100002	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2(2,0)	
Học kỳ 2: 16 tín chỉ tích lũy					
I. Học phần bắt buộc: 08 tín chỉ					
1	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0)	
2	0101101079	12200086	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2(2,0)	
3	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0)	
4	0101007961	12200061	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0)	
II. Học phần tự chọn: 08 tín chỉ (chọn 04 trong 08 học phần)					
1	0101004180	12200066	Tài chính hành vi	2(2,0)	
2	0310100453	12100011	Mô hình tài chính trên Excel Financial Model in Excel	2(2,0)	
3	0101101097	12200067	Tài chính quốc tế	2(2,0)	
4	0101003958	12202060	Quản trị ngân hàng hiện đại	2(2,0)	
5	0310100567	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2(2,0)	
1	0310101506	13100023	Quản trị dự án	2(2,0)	
2	0310100457	12100017	Quản trị chi phí	2(2,0)	
3	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	2(2,0)	
Học kỳ 3: 12 tín chỉ tích lũy					

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
I. Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ					
1	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu định tính nâng cao Advanced Qualitative research method	3(3,0)	
2	0310151020	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng nâng cao Advanced Quantitative research method	3(3,0)	
II. Học phần tự chọn: 06 tín chỉ (chọn 02 trong 04 học phần)					
1		12400067	Lý thuyết về ra quyết định tài chính Theory of financial decision making	3(3,0)	
2		12400068	Những vấn đề tài chính - Ngân hàng đương đại Contemporary topics in finance - bank	3(3,0)	
3		12400069	Nghiên cứu tài chính Research in finance	3(3,0)	
4		12400070	Nghiên cứu ngân hàng Research in Banking	3(3,0)	
Học kỳ 4: 18 tín chỉ tích lũy					
III. Chuyên đề nghiên cứu: 18 tín chỉ					
1.		12400071	Chuyên đề nghiên cứu 1	6	
2.		12400072	Chuyên đề nghiên cứu 2	6	
3.		12400073	Chuyên đề nghiên cứu 3	6	
Học kỳ 4,6: 60 tín chỉ tích lũy					
IV. Luận án: 60 tín chỉ					
1		12406074	Luận án Thesis	60	

12.2. Kế hoạch đào tạo cho đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1,2: 12 tín chỉ tích lũy					
I. Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ					
5.	0310101519	12100001	Phương pháp nghiên cứu định tính nâng cao Advanced Qualitative research method	3(3,0)	
6.	0310151020	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng nâng cao Advanced Quantitative research method	3(3,0)	
II. Học phần tự chọn: 06 tín chỉ (chọn 02 trong 04 học phần)					
7.		12400067	Lý thuyết về ra quyết định tài chính Theory of financial decision making	3(3,0)	
8.		12400068	Những vấn đề tài chính – Ngân hàng đương đại Contemporary topics in finance - Bank	3(3,0)	
9.		12400069	Nghiên cứu tài chính Research in finance	3(3,0)	
10.		12400070	Nghiên cứu ngân hàng Research in Banking	3(3,0)	
Học kỳ 3,4: 18 tín chỉ tích lũy					
III. Chuyên đề nghiên cứu: 18 tín chỉ					
4.		12400071	Chuyên đề nghiên cứu 1	6(6,0)	
5.		12400072	Chuyên đề nghiên cứu 2	6(6,0)	
6.		12400073	Chuyên đề nghiên cứu 3	6(6,0)	
Học kỳ 4,6: 60 tín chỉ tích lũy					
IV. Luận án: 60 tín chỉ					
1		12406074	Luận án Thesis	60	

13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo

Các đơn vị có trách nhiệm xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo theo Chương trình đào tạo đã được phê duyệt và Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Đối với các Khoa đào tạo, Bộ môn

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình và tư vấn, hướng dẫn cho người học đăng ký các học phần.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương học phần cho giảng viên để triển khai kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết, học trước và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

- Kiểm tra, giám sát công tác giảng dạy của giảng viên theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành và đảm bảo các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

14.2. Đối với giảng viên

- Giảng viên cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương học phần để chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy và các phương tiện dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho người học để người học chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học theo triết lý giáo dục '*Học tập chủ động, làm việc sáng tạo*', thực hiện đúng các phương pháp kiểm tra, đánh giá quy định trong đề cương học phần.

- Rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân và tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14.3. Đối với người học

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm để lựa chọn học phần cho phù hợp với định hướng và năng lực học tập.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp hoặc tham gia thực hành theo quy định.

- Phát huy tính tự chủ, tinh thần tự học, tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các hoạt động thảo luận, seminar, thực hành.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm luận án.

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.

15. Phê duyệt chương trình đào tạo

TP. HCM, ngày tháng năm 2024
TRƯỞNG KHOA

PGS.TS Trần Phước

TP. HCM, ngày tháng năm 20
TRƯỞNG NGÀNH SAU ĐẠI HỌC

PGS.TS Trần Phước

TP. HCM, ngày tháng năm 20
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH&ĐT

Nguyễn Xuân Hoàn

TP. HCM, ngày tháng năm 20
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Hoàn